

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 691 /KH-UBND

Gia Lai, ngày 24 tháng 3 năm 2025

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Kế hoạch số 310-KH/TU, ngày 17/01/2025 của Tỉnh ủy về việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2030**

Thực hiện Kế hoạch số 310-KH/TU, ngày 17/01/2025 của Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Kết luận số 91-KL/TW, ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 310-KH/TU); Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục tiêu chung**

- Xác định nhiệm vụ và giải pháp thực hiện hiệu quả Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Các tổ chức đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội nhận thức sâu sắc và đầy đủ về quan điểm “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu là sự nghiệp của toàn Đảng, Nhà nước và của toàn dân”, “đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển”, được ưu tiên trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, việc triển khai thực hiện phải bám sát các quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp và cụ thể hóa thành các kế hoạch, chương trình để thực hiện toàn diện các nội dung tại Kết luận 91-KL/TW và Kế hoạch 310-KH/TU.

- Nâng cao trách nhiệm của cấp ủy đảng, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

**2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030<sup>1</sup>**

**2.1. Giáo dục mầm non:**

Có ít nhất 25% trẻ trong độ tuổi nhà trẻ và 97% trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non; tỉ lệ trẻ học 2 buổi/ngày đạt

<sup>1</sup> Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030 (Tập 2 - Phương án phát triển, trang 119, 120)

99,5%; tổ chức ăn bán trú cho trẻ đạt 85%; tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm trung bình 0,3%/năm, tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm trung bình 0,2%/năm, tỉ lệ trẻ em thừa cân béo phì được khống chế; 100% giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ đào tạo, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá trở lên; đội ngũ giáo viên mầm non đạt 2,0 giáo viên mầm non/lớp; trường mầm non đạt chuẩn quốc gia đạt 70%.

## 2.2. Giáo dục phổ thông:

Chất lượng giáo dục toàn diện được củng cố, nâng cao; phát triển giáo dục mũi nhọn với hệ thống trường chuyên và lớp chuyên ở một số địa phương có điều kiện; phát triển giáo dục thông minh xanh, trong đó chú trọng giáo dục STEM gắn với giáo dục môi trường sinh thái, phát triển bền vững, ứng phó biến đổi khí hậu; đảm bảo đầy đủ các điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

- Giáo dục tiểu học: Tỉ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,9%; tỉ lệ học sinh học 9-10 buổi/tuần đạt 100%; tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo; đội ngũ giáo viên đạt tỉ lệ 1,4 giáo viên/lớp; 85% trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

- Giáo dục trung học cơ sở: Tỉ lệ đi học đúng độ tuổi cấp THCS đạt 98%; tỉnh hoàn thành đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2; 100% giáo viên THCS đạt chuẩn trình độ đào tạo; đội ngũ giáo viên đạt tỉ lệ 1,9 giáo viên/lớp; 80% trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

- Giáo dục trung học phổ thông: 100% giáo viên THPT đạt chuẩn trình độ đào tạo; 75% trường THPT đạt chuẩn quốc gia. Đội ngũ giáo viên đạt tỉ lệ 2,25 giáo viên/lớp.

- Giáo dục cho người khuyết tật: Phần đầu tỉ lệ trẻ em khuyết tật có khả năng học tập được đến trường phổ thông đạt 80%.

- Giáo dục cho người dân tộc thiểu số: Tỉ lệ học sinh dân tộc thiểu số thông thạo tiếng Việt sau khi hoàn thành chương trình lớp 1 đạt 98,5%.

## 2.3. Giáo dục nghề nghiệp:

- Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp đạt 40%; đối với các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 30%;

- Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng đạt 50%, trong đó 25% vào các ngành, nghề trọng điểm và chất lượng cao; tỉ lệ học viên nữ đạt 40% trở lên; đối với các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 40%;

- Có 70% cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 100% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

## 2.4. Giáo dục đại học:

- Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục học đại học đạt 30%;

- Phần đầu 100% giảng viên đạt chuẩn;

- 90% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia.

## **II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của cấp ủy, chính quyền các cấp tạo sự đồng thuận trong thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kết luận 91-KL/TW, Kế hoạch 310-KH/TU**

1.1. Tiếp tục quán triệt các nghị quyết, kết luận của Đảng và Chính phủ về đổi mới giáo dục:

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, lớp tập huấn chuyên sâu về Nghị quyết 29-NQ/TW và Kết luận 91-KL/TW cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, đặc biệt là trong ngành giáo dục, vận dụng Nghị quyết và Kết luận vào thực tiễn địa phương để các cấp ủy, chính quyền địa phương, các cơ sở giáo dục hiểu rõ mục tiêu và nhiệm vụ của Nghị quyết 29-NQ/TW và Kế hoạch 310-KH/TU của Tỉnh ủy;

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn, tuyên truyền trực quan, dễ hiểu về các nội dung cốt lõi của Nghị quyết 29-NQ/TW và Kết luận 91-KL/TW.

1.2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền về đổi mới giáo dục và đào tạo:

- Xây dựng kế hoạch truyền thông dài hạn và ngắn hạn về đổi mới giáo dục;

- Xây dựng các chương trình truyền hình, phát thanh, bài viết trên báo chí, hoặc các trang mạng xã hội của tỉnh để tuyên truyền các chính sách giáo dục. Phối hợp với các cơ quan báo chí để đẩy mạnh tuyên truyền. Xây dựng các kênh thông tin trực tuyến để tương tác, giải đáp thắc mắc cho người dân;

- Tổ chức các cuộc thi, sự kiện, hoạt động ngoại khóa để tuyên truyền về đổi mới giáo dục.

1.3. Thường xuyên theo dõi, chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc, nguyện vọng của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh, sinh viên. Chú trọng tháo gỡ, giải quyết các vấn đề về đổi mới giáo dục và đào tạo đảm bảo quy định, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của ngành giáo dục hiện nay. Tổ chức các cuộc họp định kỳ để đánh giá tiến độ và hiệu quả thực hiện.

1.4. Tạo điều kiện thuận lợi để các tầng lớp nhân dân tham gia đóng góp ý kiến và giám sát việc thực hiện đổi mới giáo dục và đào tạo:

- Tổ chức các cuộc đối thoại, hội thảo, diễn đàn để lắng nghe ý kiến của người dân;

- Xây dựng cơ chế để người dân tham gia giám sát việc thực hiện đổi mới giáo dục;

- Xây dựng cơ chế tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân;

- Công khai, minh bạch các thông tin về giáo dục và đào tạo;

- Biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có đóng góp tích cực.

## 2. Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách về giáo dục và đào tạo

- Tăng cường trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và phối hợp giữa các cấp, các ngành, các hội đoàn thể, địa phương, đơn vị về công tác giáo dục và đào tạo trong việc quyết định biên chế, tổ chức bộ máy, chính sách đối với nhà giáo và phân bổ ngân sách nhà nước cho giáo dục; đề xuất các điều chỉnh cần thiết về biên chế, hệ thống tổ chức bộ máy, đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tiễn của ngành giáo dục trong tỉnh.

- Ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai cụ thể các nghị quyết, kế hoạch, dự án từ Trung ương đến địa phương. Thể chế hóa kịp thời các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo. rà soát, xây dựng, bổ sung các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án... thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương nhằm tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ đề ra. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ người học từ ngân sách nhà nước thông qua cấp học bổng hoặc hỗ trợ miễn, giảm học phí.

- Đẩy mạnh phân cấp trong quản lý giáo dục trên cơ sở tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường đi đôi với nâng cao năng lực quản trị của đội ngũ cán bộ quản lý, trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo.

- Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, nhất là công tác thu, chi đầu năm học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh theo phân cấp; xử lý nghiêm các vi phạm, sai phạm trong quản lý, hoạt động dạy và học, cũng như các hoạt động liên quan đến giáo dục. Thực hiện nghiêm các quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

## 3. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục chính trị, tư tưởng cho học sinh, sinh viên; tiếp tục đầu tư phát triển giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học trong các cơ sở giáo dục

- Tiếp tục duy trì, giữ vững đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 3, 4 tuổi trên địa bàn tỉnh. Tăng cường quản lý chặt chẽ các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập, nhất là các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập.

- Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới, tập trung đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo nhằm phát triển năng lực (*năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*), phẩm chất người học (*yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*) đảm bảo phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập; giáo dục tư tưởng, đạo đức lối sống, kỹ năng sống, giáo dục quốc phòng, an ninh gắn với việc giáo dục học

sinh về lòng yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, khơi dậy khát vọng cống hiến đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tấm gương tiêu biểu trong rèn luyện và học tập, hành động cao đẹp, gương người tốt, việc tốt.

- Tăng cường công tác tư vấn học đường, tư vấn hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông; thực hiện tốt công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp. Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của người học, gia đình và xã hội về định hướng phân luồng học sinh và ý nghĩa của việc học nghề, kỹ năng nghề trong tiếp cận việc làm, nâng cao thu nhập và cơ hội học tập suốt đời.

- Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực chất lượng cao đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học công lập nhằm chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao gắn với nghiên cứu đào tạo, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng, hiệu quả hoạt động của các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh để sắp xếp, củng cố, kiện toàn hệ thống cơ sở đào tạo nghề của tỉnh trong thời gian tới, đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề của xã hội. Quan tâm đào tạo, xây dựng đội ngũ giáo viên dạy nghề cho các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện.

- Nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất giáo dục, phát triển hạ tầng giáo dục, hệ thống các trường nội trú, bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú... Rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, quy mô, nhu cầu học sinh dân tộc thiểu số tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; đồng thời, dự báo khả năng tiếp tục theo học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông của học sinh người dân tộc thiểu số để đề ra những giải pháp phù hợp. Quan tâm chính sách đối với học sinh, giáo viên trực tiếp giảng dạy và nhân viên phục vụ tại trường.

- Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy năng lực người học: chỉ đạo các trường tổ chức bồi dưỡng giáo viên về phương pháp giảng dạy mới, áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy; tập huấn, hội thảo về phương pháp giảng dạy đổi mới.

#### **4. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân, thúc đẩy xã hội học tập và học tập suốt đời; đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo**

- Tăng cường rà soát, sắp xếp, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông bảo đảm đủ trường, lớp học, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; ưu tiên bố trí đủ quỹ đất để xây dựng cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục đặc biệt cho trẻ khuyết tật, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh. Quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư vào phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập được hưởng các chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo quy định;

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Gia Lai”; phối hợp với các đơn vị công nghệ thông tin để phát triển phần mềm quản lý học sinh, giáo viên, tài chính trong ngành giáo dục; triển khai mở rộng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối với các cơ sở giáo dục nhằm nâng cao tiện ích và hiệu quả cho công tác quản lý giáo dục;

- Đầu tư hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, triển khai đào tạo kỹ năng số cho giáo viên và học sinh. Xây dựng hạ tầng số quốc gia về học tập, kho học liệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành; bảo đảm hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, quản trị, dạy, học và nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, kiểm tra, đánh giá trong giáo dục. Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động dạy và quản lý giáo dục cùng với sự phát triển các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường học tập số; đồng thời, trang bị cho học sinh, sinh viên các kỹ năng thiết yếu để thích ứng học tập, làm việc hiệu quả, an toàn trong không gian số. Khuyến khích phát triển các mô hình trường học mới như trường học số, trường học thông minh, trường học hạnh phúc.

### **5. Phát triển, nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp**

- Tiếp tục rà soát, bố trí số lượng giáo viên theo định mức quy định, nhất là đội ngũ giáo viên mầm non và giáo viên tiểu học nhằm giải quyết căn bản tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ và nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn tỉnh; xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, và phát triển đội ngũ giáo viên;

- Nâng cao trình độ lý luận chính trị, phẩm chất, đạo đức lối sống, văn hóa ứng xử, quy chế làm việc và văn hóa công sở cho đội ngũ nhà giáo; đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách về lương, phụ cấp và chính sách hiện hành cho giáo viên theo quy định; phát huy dân chủ, tôn trọng tự do sáng tạo, chuyên môn học thuật, đề cao đạo đức, trách nhiệm của nhà giáo; nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về tầm quan trọng của việc nâng cao trình độ chuẩn đào tạo cho giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

### **6. Đổi mới cơ chế quản lý, bảo đảm đủ điều kiện cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục và đào tạo**

- Đảm bảo ngân sách nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước theo đúng tinh thần Kết luận 91-KL/TW. Ưu tiên đầu tư cho giáo dục, đào tạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thực hiện hiệu quả các đề án, dự án về giáo dục đào tạo của Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; đầu tư kiên cố hóa trường, lớp học, xóa phòng học tạm, bảo đảm đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tối thiểu. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ phòng học được kiên cố hóa đạt 100%; xác định rõ tỷ lệ ngân sách chi cho giáo dục, đào tạo để triển khai các chương trình phát triển giáo dục;

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách để thúc đẩy công tác xã hội hóa trên địa bàn tỉnh; khuyến khích phát triển giáo dục ngoài công lập nhằm huy động mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển giáo dục, đào tạo; tham mưu cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp và xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo; tập trung tháo gỡ

những vướng mắc trong cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ sở giáo dục, đào tạo công lập.

### **7. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo**

- Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đẩy mạnh hội nhập quốc tế thông qua hợp tác với các cơ sở giáo dục chất lượng cao về trao đổi kinh nghiệm và phương pháp giảng dạy. Tăng cường công tác quản lý hoạt động của các cơ sở giáo dục và đào tạo có yếu tố nước ngoài, hoạt động tư vấn du học, trung tâm ngoại ngữ;

- Xây dựng các chương trình hợp tác với các tổ chức giáo dục quốc tế, mở rộng trao đổi học sinh, sinh viên giữa Gia Lai và các tỉnh bạn, đặc biệt là với các nước ASEAN. Tăng cường thu hút học sinh, sinh viên nước ngoài đến học tập tại Việt Nam, nhất là lưu sinh viên Lào sang Việt Nam học tập theo Chương trình hợp tác giữa các tỉnh của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào với tỉnh Gia Lai;

- Tập trung nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Tăng cường đưa tiếng Việt và văn hóa Việt Nam ra nước ngoài;

- Tổ chức các buổi hội thảo quốc tế, mời chuyên gia nước ngoài về đào tạo giáo viên (tùy theo thời điểm và tình hình thực tế của địa phương).

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, dự án, đề án và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định.

2. Hàng năm, trên cơ sở dự toán của các cơ quan, đơn vị xây dựng, Sở Tài chính tổng hợp, cân đối theo khả năng ngân sách để tham mưu cấp thẩm quyền bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Trên cơ sở các nhiệm vụ và giải pháp đề ra tại Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 310-KH/TU, ngày 17/01/2025 của Tỉnh ủy và Kế hoạch này, yêu cầu Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính; Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành liên quan và các địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch này; đồng thời, tổng hợp báo cáo sơ kết, tổng kết theo quy định.

2. Các Sở: Tài chính; Nội vụ; Khoa học và Công nghệ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các địa phương: Theo chức năng, nhiệm vụ, có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc đảm bảo các nguồn lực, điều kiện cần thiết về đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp học; mua sắm trang thiết bị dạy học; đặc biệt trong việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế chính sách trong lĩnh

vực giáo dục, đào tạo; về biên chế giáo viên; công tác tuyên truyền, hướng nghiệp, phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, trường hợp có phát sinh vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo) để xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các phân hiệu đại học trên địa bàn tỉnh;
- Trường Cao đẳng Gia Lai;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, TTTH, KGVX.h



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Thanh Lịch**